TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HS-PT
Ngày 07 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Phương;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 535/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo Nguyễn Văn M và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2023/HS-ST ngày 07-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành;

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07507300160X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ E, Ấp E, xã T, huyện L, Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và bà Lê Thị L; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng G và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 39/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1975 tại Bình Dương; Căn cước công dân số: 07517501302X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim A; có chồng tên Ngô D1 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2007/HSST ngày 18-7-2007, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc";

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 42/QĐ-XPHC ngày 21-7-2012, bị Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 40/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn L1, sinh năm 1974 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07507401229X; nơi đăng ký thường trú: Ấp E, xã T, huyện L, Đồng Nai; nơi cư trú (không đăng ký tạm trú): Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn N (đã chết) và bà Trần Thị L2 (đã chết); có vợ tên Võ Thị N1 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 41/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Văn G1, sinh năm 1994 tại Cần Thơ; Căn cước công dân số: 09209400026X; nơi đăng ký thường trú: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú (không đăng ký tạm trú): Khu K, thị trấn L, huyện L, Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn L3 và bà Nguyễn Thị P; có vợ tên Trần Ngọc Q H và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn

cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 42/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Văn T, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07508401515X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện L, Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; không rõ cha; mẹ tên Phạm Thị Hồng H1; có vợ tên Nguyễn Thị Thủy T1 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 43/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Thị Mỹ H2 (tên gọi khác: S1), sinh năm 1981 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07518100549X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N2 (đã chết) và bà Phạm Thị T2; có chồng tên Trần Ngọc P1 (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2020/HS-ST ngày 28-8-2020, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 44/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07509102072X; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện L, Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N3 (đã chết) và bà Trần Thị Đ; có vợ tên Vũ Thị L4 và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 138/2011/HS-ST ngày 27-9-2011, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tàn sản"; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 42/2024/LCĐKNCT ngày 29-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 05 bị cáo khác, không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1 chung sống với nhau như vợ chồng. Để có tiền tiêu xài cá nhân, D và L1 bàn tính cùng nhau tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, để thu tiền xâu. Diệp đến nhà Nguyễn Văn M tại Ấp E, xã T, huyện L, bàn với M về việc sử dụng địa điểm tại nhà M, để tổ chức đánh bạc và chia tiền xâu cho M thì được M đồng ý; D có nhiệm vụ rủ rê người khác đến đánh bạc; còn Lụa có nhiệm vụ cảnh giới, canh đường. M và D thỏa thuận với những người đánh bạc thay nhau làm cái mỗi người 07 ván; sau khi làm cái xong, sẽ đưa 100.000 đồng tiền xâu bỏ vào trong hũ nhựa để gần chiếu bạc. M và D thay nhau thu tiền xâu; tổng số tiền xâu thu được, thì M và D thống nhất chia cho L1 200.000 đồng; còn lại M và D chia đôi. Hình thức chơi bài cào 06 lá như sau: Người làm cái chia bộ bài 52 lá thành 05 đến 06 tụ đặt chính, mỗi tụ 06 lá bài, xếp thành 02 chi, mỗi chi 03 lá bài, sau đó tụ cái so bài với các tụ con. Cách tính điểm (nút) lá bài A tương đương 1 điểm, lá bài từ 2 đến 10 tương đương số điểm từ 2 đến 10, lá bài J, Q, K tương đương 10 điểm, 3 tây là lớn nhất, đến 9 điểm trở xuống, bù là nhỏ nhất. Nếu 02 chi của nhà cái lớn điểm hơn 02 chi của tụ con thì nhà cái thắng hoặc ngược lại, nếu 02 chi thắng 01 chi thua sẽ huề tiền.

Vào khoảng 16 giờ 00 ngày 20/4/2023, Trần Thị Ngọc D đưa tiền cho Trần Văn L1 mua 10 bộ bài tây 52 lá, Nguyễn Văn M là người chuẩn bị 01 cái hũ nhựa để thu tiền xâu và 01 cái chiếu cho mọi người cùng nhau đánh bài thắng thua bằng tiền; sau khi chuẩn bị xong, Trần Văn L1 ra ngoài cảnh giới Công an, nếu có thì báo cho sòng bài biết. Quá trình điều tra, xác định được như sau:

- Phan Văn G1 mang theo số tiền 6.100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thua 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người Giang 5.600.000 đồng;

- Hồ Kim H3 mang theo số tiền 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, H3 thua số tiền 1.800.000 đồng, còn 200.000 đồng khi bị bắt H3 sợ nên đã vứt 200.000 đồng vào chiếu bạc;

- Phạm Văn T mang theo số tiền 1.000.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, T không thắng, không thua, khi bị bắt thu giữ trên người T số tiền 1.000.000 đồng;

- Lê Thị Mỹ H2 mang theo 1.100.000 đồng, lấy 50.000 đồng H2 trả tiền xe ôm, H2 sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc và thua hết số tiền trên, khi bị bắt thu giữ trên người H2 số tiền 50.000 đồng (không sử dụng vào đánh bạc);

- Trần Thị Kim A1 mang theo số tiền 800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt do sợ Kim A1 đã vứt hết số tiền vào chiếu bạc nên không biết thắng thua;

- Nguyễn Thị Yến L5 mang theo số tiền 650.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, L5 bỏ 100.000 đồng để đặt tụ, còn lại số tiền 550.000 đồng khi bị bắt L5 vứt hết vào chiếu bạc;

- Nguyễn Văn T3 mang theo số tiền 460.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, T3 thua hết số tiền trên;

- Trần Thị Ngọc H4 mang theo số tiền 460.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, thua 50.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên người H4 số tiền 410.000 đồng;

- Nguyễn Thị Thúy P2 mang theo số tiền 350.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết số tiền trên nên không thu giữ gì trên người P2.

- Tổng số tiền sử dụng vào đánh bạc là 13.670.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ 05 phút ngày 21/4/2023, Phan Văn G1, Hồ Kim H3, Phạm Văn T, Lê Thị Mỹ H2, Trần Thị Kim A1, Nguyễn Thị Yến L5, Nguyễn Văn T3, Trần Thị Ngọc H4 và Nguyễn Thị Thúy P2 đang tham gia đánh bài với hình thức bài cào 06 lá thì bị lực lượng Công an huyện L phối hợp với Công an xã T đến kiểm tra nhà của Nguyễn Văn M, phát hiện và bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc và thu giữ trên chiếu bạc 06 bộ bài tây 52 lá, trong đó 01 bộ đã qua sử dụng và 05 bộ chưa qua sử dụng, 01 hũ nhựa bên trong có 1.100.000 đồng (tiền xâu) và 5.560.000 đồng tiền trên chiếu bạc. Tạm giữ trên người các đối tượng số tiền 7.330.000 đồng (trong đó 7.010.000 đồng là tiền sử dụng vào đánh bạc bao gồm của G1 5.600.000 đồng, T 1.000.000

đồng, H4 410.000 đồng, riêng 320.000 đồng là tiền không sử dụng vào đánh bạc bao gồm của L1 270.000 đồng, H2 50.000 đồng).

Riêng Trần Thị Ngọc D, khi bị lực lượng Công an vào bắt quả tang D đã chạy thoát, đến 16 giờ 00 cùng ngày D đến Công an huyện L đầu thú. Ngoài ra trong quá trình đánh bạc còn có một số đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) đã bỏ về trước.

Quá trình lấy lời khai các bị can Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1 khai nhận, từ ngày 18/4/2023 đến ngày 19/4/2023 M, D và L1 còn tổ chức cho một số người không rõ nhân thân, lai lịch tham gia đánh bạc tại nhà M và thu tiền xâu; cụ thể ngày 18/4/2023 được 1.600.000 đồng, ngày 19/4/2023 là 1.400.000 đồng. Sau khi chia, Minh hưởng số tiền thu lợi bất chính 1.300.000 đồng, D hưởng số tiền thu lợi bất chính là 1.300.000 đồng, L1 hưởng số tiền bất chính là 400.000 đồng, số tiền này M, D, L1 đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2023/HS-ST ngày 07-9-2023, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 66/2023/TB-TA ngày 20-9-2023 và Quyết định đính chính, bổ sung bản án số: 35/2023/QĐ-ĐCBS ngày 20-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, đã quyết định:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1 phạm tội "Tổ chức đánh bạc", theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 02 (hai) năm tù.

2/ Tuyên bố các bị cáo Phan Văn G1, Hồ Kim H3, Phạm Văn T, Lê Thị Mỹ H2, Trần Thị Kim A1, Trần Thị Ngọc H4, Nguyễn Thị Yến L5, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thị Thúy P2 phạm tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Phan Văn G1 09 (chín) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Hồ Kim H3 07 (bảy) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến L5 40.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim A1 40.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc H4 30.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ H2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy P2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

3/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D, Trần Văn L1, Phan Văn G1, Phạm Văn T, Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3 kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

4. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xem xét vụ án và tình tiết mới tại cấp phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Ngọc D, Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3;

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Văn L1, Phan Văn G1 và Phạm Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo có mặt thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1 phạm tội "Tổ chức đánh bạc", theo điểm d khoản 1 Điều 322; xác định các bị cáo Phan Văn G1, Phạm Văn T, Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3 phạm tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Lê Thị Mỹ H2 là người có tiền án lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp "tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Phan Văn G1 và Phạm Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trần Thị Ngọc D "đầu thú". Áp dụng quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Các bị cáo Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Văn M, Trần Văn L1, Phan Văn G1 và Phạm Văn T cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động chính, duy nhất trong gia đình và phải nuôi dưỡng người thân phụ thuộc; bị cáo Lê Thị Mỹ H2 cung cấp hồ sơ bệnh án. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Hình phạt:

- Các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1: Bị cáo Trần Thị Ngọc D giữ vai trò chính, chủ động đề cập và rủ rê các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Văn L1 tham gia; với nhân thân như trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo D. Các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Văn L1, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hành động bộc phát nhất thời và thu nhập bất chính không lớn. Với tình tiết mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Văn L1, các bị cáo phạm tội "Tổ chức đánh bạc", nên phạt tiền để răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

- Các bị cáo Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện vụ án, với nhân thân xấu, việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với hình phạt như đã nêu trên là phù hợp và đã xem xét giảm nhẹ; do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

- Các bị cáo Phan Văn G1 và Phạm Văn T: Nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cùng với tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo, các bị cáo phạm tội "Đánh bạc", nên phạt tiền để răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo có kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Ngọc D, Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Văn L1, Phan Văn G1 và Phạm Văn T;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2023/HS-ST ngày 07-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Thị Ngọc D và Trần Văn L1:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 (áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần Văn L1); Điều 38 (áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Ngọc D) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Tổ chức đánh bạc":

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Trần Thị Ngọc D vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 phải nộp 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Các bị cáo Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ H2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Lê Thị Mỹ H2 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Văn T3 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, từ ngày 21-4-2023 đến ngày 30-4-2023.

1.3. Các bị cáo Phan Văn G1 và Phạm Văn T:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Đánh bạc":

- Xử phạt bị cáo Phan Văn G1 phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Thị Ngọc D, Lê Thị Mỹ H2 và Nguyễn Văn T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Văn L1, Phan Văn G1 và Phạm Văn T không phải án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (7);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai và Công an thành phố Cần Thơ (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành